

# LỢN GIỐNG

## Quy trình kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị

*The regulation of individual control for young boars*

Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị giống nội và ngoại thuần chủng trong các cơ sở giống lợn của Nhà nước.

### 1. Khái niệm và tổ chức kiểm tra

- 1.1. Kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị là chọn những lợn đực hậu bị tốt, nuôi theo một chế độ quy định, theo dõi một số chỉ tiêu quan trọng sau đó phân loại về năng suất để sử dụng.
- 1.2. Có hai hình thức kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị:
  - Kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị ngay tại các cơ sở giống
  - Kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị tại các trạm kiểm tra năng suất của Nhà nước.
- 1.3. Cơ sở tiến hành kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị phải được chuẩn bị đầy đủ về thức ăn, chuồng trại, kỹ thuật nuôi dưỡng và điều kiện theo dõi ghi chép. Đồng thời phải thực hiện đầy đủ các quy trình kỹ thuật chăn nuôi đã được quy định.
- 1.4. Tất cả các cơ sở giống lợn của Nhà nước (từ cấp I trở lên) đều phải kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị để chọn lọc lợn giống thay thế cho cơ sở mình và bán giống ra ngoài. Khuyến khích các cơ sở giống khác tiến hành kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị.

### 2. Đối tượng và thời gian kiểm tra

- 2.1. Lợn đực hậu bị kiểm tra cá thể phải có lý lịch rõ ràng có bố mẹ đạt từ cấp I trở lên; khỏe mạnh, không có bệnh tật, lúc cai sữa đạt từ cấp I trở lên (xếp cấp theo TCVN 1280-81).
- 2.2. Số lượng lợn đực kiểm tra cá thể của một đợt phải có từ 4 con trở lên.
- 2.3. Kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị được tiến hành theo phương pháp thời gian:
  - Lợn nội từ lúc tròn 90 ngày tuổi đến lúc tròn 180 ngày tuổi.
  - Lợn ngoại từ lúc tròn 90 ngày tuổi đến lúc tròn 240 ngày tuổi

Ngay sau khi cai sữa chọn những lợn đực đạt tiêu chuẩn ghi ở điều 2.1. đưa vào chuồng nuôi kiểm tra để nuôi chuẩn bị. Trong thời gian nuôi chuẩn bị lợn đã được nuôi theo quy trình kiểm tra.

### 3. Chế độ nuôi dưỡng

#### 3.1. Chuồng nuôi kiểm tra:

Lợn đực hậu bị kiểm tra cá thể được nuôi mỗi con một ô chuồng với diện tích:

	Lợn nội	Lợn ngoại
Chuồng	3m <sup>2</sup>	4m <sup>2</sup>
Sân chơi	4m <sup>2</sup>	4m <sup>2</sup>

Trong chuồng nuôi phải có máng ăn riêng và máng nước uống riêng. Đối với lợn ngoại có thể nuôi từ 2 - 4 con trong một ô chuồng nhưng phải có biện pháp cho ăn riêng từng con

### 3.2. Thức ăn và chế độ cho ăn:

3.2.1 Lợn đực hậu bị kiểm tra cá thể mỗi ngày được ăn hai bữa thức ăn tinh và hai bữa thức ăn thô xanh (thời gian ăn của mỗi bữa là 15 phút). Mỗi bữa lợn được ăn tự do về số lượng đơn vị thức ăn, ăn theo định mức về lượng protein và các chất dinh dưỡng khác trong một đơn vị thức ăn. Cho lợn ăn thức ăn tinh trước, thức ăn thô xanh sau. Cho lợn uống nước đầy đủ.

3.2.2. Định mức các chất dinh dưỡng trong vật chất khô cho các loại lợn đực hậu bị như sau:

Đơn vị: %

Bảng 1

Khối lượng lợn (kg)	Loại lợn					
	Lợn nội			Lợn ngoại		
	7-15	15-25	25-40	12-30	30-50	50-100
Chất dinh dưỡng						
Protêin thô	18,0	16,0	14,0	20,0	17,5	16,5
Protêin tiêu hoá	13,5	12,0	11,0	15,0	13,5	12,5
Protêin tiêu hoá / ĐVTA*, g	108	96	90	120	100	100
Ca	0,8	0,8	0,8	0,8	0,7	0,7
P	0,6	0,6	0,6	0,6	0,5	0,5
NaCl	0,4	0,4	0,4	0,5	0,5	0,5

\* ĐVTA: Đơn vị thức ăn

Tỷ lệ thức ăn tươi và thức ăn thô xanh cho các loại lợn đực hậu bị như sau:

Đơn vị: %

Bảng 2

Loại thức ăn	Loại lợn					
	Lợn nội			Lợn ngoại		
	7-15	15-25	25-40	12-30	30-50	50-100
Thức ăn tinh	85	85	85	90	85	85
Thức ăn thô xanh	15	15	15	10	15	15

### 3.3. Chăm sóc vận động:

3.3.1. Trước khi kiểm tra lợn đực hậu bị phải được tiêm phòng các loại bệnh dịch chính, tẩy giun sán đồng thời tẩy uế khu chuồng nuôi kiểm tra.

3.3.2. Trong thời gian kiểm tra phải thường xuyên vệ sinh thân thể cho lợn, vệ sinh chuồng trại. Những ngày nóng phải tắm cho lợn, khi trời lạnh phải lót ổ rơm cho lợn.

3.3.3. Phải để cho lợn đực hậu bị kiểm tra cá thể được vận động tự do trong chuồng và ngoài sân chơi.

## 4. Chế độ theo dõi

4.1. **Khối lượng:** Lợn đực hậu bị kiểm tra cá thể được cân chính thức khi bắt đầu kiểm tra và khi kết thúc kiểm tra. Đồng thời cân kiểm tra lợn vào các tháng tuổi thứ 4 và thứ 6. Cân lợn vào buổi

sáng sớm trước khi cho lợn ăn, cân riêng từng con.

**4.2. Thức ăn cho ăn:** Cân hàng ngày. Thức ăn tinh cân khi khô, thức ăn thô xanh cân sau khi rửa và đã ráo nước.

- Thức ăn còn thừa: Cứ 10 ngày cân kiểm tra thức ăn thừa một đợt, mỗi đợt cân 3 ngày liên rồi lấy số trung bình của 3 ngày kiểm tra này làm số đại diện cho thức ăn thừa trong một ngày của 10 ngày đó. Trong ngày cân kiểm tra, sau mỗi bữa ăn phải lấy thức ăn còn thừa ra khỏi máng và thức ăn còn thừa của cả ngày sẽ được cân vào cuối ngày hôm đó. Nếu cho lợn ăn thức ăn tinh có hòa lẫn nước thì phải trộn thức ăn với nước theo một tỷ lệ nhất định, khi tính lượng thức ăn còn thừa phải trừ đi lượng nước có trong thức ăn.

- Thức ăn lợn ăn được: Lấy lượng thức ăn cho ăn trừ đi lượng thức ăn còn thừa là lượng thức ăn lợn ăn được.

Cần ghi chép đầy đủ các loại thức ăn cho ăn và dùng bảng giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc do Bộ Nông nghiệp ban hành để tính giá trị dinh dưỡng của chúng.

**4.3. Độ dày mỡ:** Đo độ dày mỡ của lợn lúc kết thúc kiểm tra tại 3 vị trí:

- Cổ: Đo trên đốt sống cổ cuối cùng

- Lưng: Đo trên đốt sống lưng cuối cùng

- Thân: Đo trên đốt sống hông cuối cùng

Mỗi vị trí đo 2 điểm, mỗi điểm cách đường sống lưng 4 cm về hai phía

**4.4. Theo dõi đầy đủ tình trạng sức khỏe của lợn đực hậu bị trong suốt quá trình kiểm tra.**

## 5. Đánh giá phân loại

5.1. Sau khi kết thúc kiểm tra cá thể, lợn đực hậu bị được phân loại về năng suất theo khả năng tăng trọng, mức độ tiêu tốn thức ăn và độ dày mỡ lưng. Đối với các giống đã xác định được chỉ số chọn lọc (I) để phân loại theo chỉ số chọn lọc:

$$I = A + b_1 \cdot (X_1 - \bar{X}_1) + b_2 \cdot (X_2 - \bar{X}_2) + b_3 \cdot (X_3 - \bar{X}_3)$$

Trong đó:

A - hằng số

$X_1$  - bình quân khả năng tăng trọng trong một ngày của lợn đực hậu bị được kiểm tra (g/ngày)

$X_2$  - bình quân mức độ tiêu tốn thức ăn cho 1 kg tăng trọng của lợn đực hậu bị được kiểm tra (ĐVTA/kg tăng trọng)

$X_3$  - bình quân độ dày mỡ sau khi đã hiệu chỉnh của lợn đực hậu bị được kiểm tra (mm)

$\bar{X}_1, \bar{X}_2, \bar{X}_3$  - bình quân các giá trị tương ứng của các lợn đực hậu bị được kiểm tra.

$b_1, b_2, b_3$  - hệ số ứng với các tình trạng của chỉ số chọn lọc;

$$X_1 \text{ (g/ ngày)} = \frac{\text{khối lượng kết thúc (kg)} - \text{khối lượng bắt đầu (kg)}}{\text{Số ngày kiểm tra}} \times 1000$$

$$X_2 \text{ (ĐVTA/ kg tăng trọng)} = \frac{\text{Tổng lượng ĐVTA lợn ăn được trong thời/gian kiểm tra}}{\text{khối lượng kết thúc (kg) - khối lượng bắt đầu (kg)}}$$

$$X_3 (\text{mm}) = \frac{\text{Độ dày mỡ cổ hiệu chỉnh (mm)} + \text{độ dày mỡ lưng hiệu chỉnh (mm)} + \text{độ dày mỡ thân hiệu chỉnh (mm)}}{3}$$

Đối với cơ sở nào không đo được độ dày mỡ thì chỉ phân loại năng suất theo khả năng tăng trọng và mức độ tiêu tốn thức ăn.

Đối với các giống lợn chưa xác định được chỉ số chọn lọc thì phân loại năng suất lợn đực hậu bị kiểm tra cá thể bằng cách xếp thứ hạng riêng của từng tình trạng sau đó phân loại tổng hợp bằng cách tính số trung bình thứ hạng của các tình trạng đó

- 5.2. Sau khi phân loại về năng suất lợn đực hậu bị phải được giám định xếp cấp toàn diện về các mặt sinh trưởng, ngoại hình theo TCVN 1280 - 81 rồi mới quyết định sử dụng.
- 5.3. Muốn đánh giá chính xác năng suất của các lợn đực hậu bị đã được kiểm tra cá thể, chỉ so sánh những lợn đực kiểm tra trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng (trong cùng một cơ sở, trong cùng một thời gian v.v...)
- 5.4. Lợn đực hậu bị sau khi đã được kiểm tra cá thể có cấp giám định và chỉ số chọn lọc cao sẽ được đánh giá cao hơn những lợn đực hậu bị không được qua kiểm tra cá thể.

## PHỤ LỤC

### CÁC MẪU SỔ SÁCH THEO DÕI LỢN GIỐNG

#### 1. Sổ theo dõi khối lượng lợn

Số TT	Số hiệu lợn	Ngày sinh	Bố		Mẹ		Khối lượng (kg)						Ghi chú	
			Số hiệu	Cấp	Số hiệu	Cấp	Sơ sinh	21 ngày	Cai sữa	Bắt đầu	4 tháng	6 tháng		8 tháng

#### 2. Sổ theo dõi thức ăn cho lợn:

Ngày tháng	Số hiệu lợn						Ghi chú
	Khối lượng thức ăn tinh (kg)			Khối lượng thức ăn thô xanh (kg)			
	cho ăn	còn thừa	ăn được	cho ăn	còn thừa	ăn được	

#### 3. Sổ nhật ký

Ngày tháng	Công việc đã làm trong ngày	Tình hình đàn lợn	Ghi chú

